

NHẬN DIỆN NGUYÊN NHÂN SUY GIẢM TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

TS. Nguyễn Chí Hải
Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP.HCM

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm nhận diện nguyên nhân suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, qua đó có những đề xuất giải pháp khắc phục đà suy giảm, duy trì được mức tăng trưởng cao và bền vững. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng, sự suy giảm kinh tế của Việt Nam hiện nay có nguyên nhân nội tại tích tụ trong nền kinh tế từ nhiều năm qua, do vậy các giải pháp trong chính sách vĩ mô của Chính phủ cần phải tiếp cận có tính căn bản và dài hạn.

Từ khóa: Suy giảm tăng trưởng, chất lượng tăng trưởng.

Đặt vấn đề

Trong vòng hai thập niên vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng trung bình khá cao, song nền kinh tế cũng phải trải qua các đợt suy giảm, mà gần đây nhất là năm 2011 và 2012. Đây là nguyên nhân của các đợt suy giảm này? Suy giảm kinh tế hiện nay có liên quan gì với các lần suy giảm trước? Trả lời được các câu hỏi trên, sẽ là cơ sở để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và bền vững đối với nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

Cơ sở lý thuyết

Nguyên lý của kinh tế học chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào hai loại biến số: (i) Các yếu tố kinh tế; (ii) Các yếu tố phi kinh tế. Các yếu tố kinh tế có tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế, bao gồm bốn yếu tố cơ bản: vốn (K), lao động (L), tài nguyên (R), khoa học công nghệ (KH-CN) (T). Hàm sản xuất giản đơn có dạng (Gillis và các tác giả, 1990): $Y = f(L, K, R, T)$.

Các yếu tố phi kinh tế, tuy không thể định lượng song có vai trò ngày càng quan trọng

đến tăng trưởng kinh tế, bao gồm các yếu tố thể chế, các yếu tố văn hóa - xã hội, cơ cấu dân tộc và cơ cấu tôn giáo, mức độ và tác động của hội nhập quốc tế. Các nhà kinh tế học dựa trên nguyên tắc của hàm Cobb-Douglas, đã đưa ra hàm tăng trưởng kinh tế (Gillis và các tác giả, 1990): $Y = f(K, L, TFP)$

Một nền kinh tế tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn (K) và lao động (L), là nền kinh tế phát triển theo chiều rộng, thiếu bền vững; một nền kinh tế tăng trưởng chủ yếu dựa vào yếu tố năng suất tổng hợp (TFP), là nền kinh tế phát triển theo chiều sâu, đề cao hiệu quả và sự bền vững.

Nguyên lý của kinh tế học cũng chỉ rõ, nền kinh tế thị trường luôn chịu sự tác động của chu kỳ kinh doanh. Sự dao động của chu kỳ kinh doanh trong nền kinh tế phụ thuộc vào các yếu tố: (i) Mức độ bổ sung các nguồn lực của nền kinh tế; (ii) Sự gia tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Khi nền kinh tế rơi vào vòng suy giảm tăng trưởng, chính sách vĩ mô của Chính phủ thường can thiệp nhằm gia tăng chi tiêu để kích thích tăng trưởng. Giả sử, trong nền kinh tế khi tổng cầu (AD) sẽ một mình quyết định mức sản lượng tiềm năng, gọi Y là sản lượng, ta có:

$$Y = AD = C + I + G + X - M$$

Nền kinh tế đang suy thoái, người tiêu dùng không tăng thêm tiêu dùng ($\Delta C = 0$), các doanh nghiệp cũng không tăng đầu tư ($\Delta I = 0$), lúc này Chính phủ cần gia tăng chi tiêu (G) và tăng các khoản chi trợ cấp, phúc lợi (Tr) để kích thích tổng cầu (AD) của nền kinh tế, qua đó kích thích tăng trưởng trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, một sự can thiệp làm gia tăng tổng cầu của chính phủ nhằm kích thích tăng trưởng thường bị đánh đổi bởi sự gia tăng lạm phát và hiệu quả đầu tư thấp, tăng trưởng thiếu bền vững. Điều này dễ dẫn đến vòng xoáy chu kỳ tăng trưởng thiếu ổn định, thậm chí đưa nền kinh tế đến khủng hoảng và lạm phát.

Những phân tích trên cho thấy để nền kinh tế tăng trưởng ổn định, chính sách kinh tế vĩ mô

của Chính phủ phải hướng đến mục tiêu dài hạn, tức phải chú trọng đến cả chất và lượng của tăng trưởng, hướng nền kinh tế luôn đạt được mức sản lượng tiềm năng, duy trì tỷ lệ lạm phát vừa phải và thất nghiệp thấp.

Nhận diện tăng trưởng kinh tế Việt Nam (1991-2011)

Kể từ năm 1991 đến nay, nền kinh tế Việt Nam đã duy trì được tốc độ tăng trưởng trung bình 7,35%/năm, cơ cấu kinh tế đã có những thay đổi cơ bản. Tuy nhiên đây cũng là thời kỳ nền kinh tế Việt Nam tích tụ những hạn chế, yếu kém và sự suy giảm của nền kinh tế hiện nay, có nguyên nhân sâu xa từ sự “tích tụ” này.

Thứ nhất, trong vòng 20 năm nền kinh tế đã trải qua ba đợt suy giảm tăng trưởng 1998-1999, 2008-2009 và 2011-2012. Nếu như suy giảm tăng trưởng kinh tế 1998-1999 và 2008-2009 có

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu (1991-2011)

Năm	Tăng GDP (%)				I/GDP (%)	Ngoại thương (%)	Ngân sách (%)	Lạm phát (%)	Thất nghiệp thành thị (%)	GDP/người (USD)
	Nền kinh tế	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III						
1991	5,81	2,18	7,71	7,38	17,56	-12,0	-1,40	67,6	-	118
1992	8,70	6,88	12,79	7,58	22,38	+1,50	-1,50	17,6	-	145
1993	8,08	3,28	12,62	8,64	30,07	-31,4	-3,90	5,2	-	190
1994	8,83	3,37	13,39	9,56	30,41	-43,7	-2,20	14,4	-	231
1995	9,54	4,80	13,60	9,83	31,65	-49,7	-4,17	12,7	-	289
1996	9,34	4,40	14,46	8,80	32,13	-53,6	-3,00	4,5	5,88	338
1997	8,15	4,33	12,62	7,14	34,6	-26,2	-4,05	3,6	6,01	361
1998	5,76	3,53	8,33	5,08	32,4	-22,9	-2,49	9,2	6,90	357
1999	4,77	5,23	7,68	2,25	32,8	-1,70	-4,37	0,10	6,70	374
2000	6,80	4,63	10,07	5,32	34,2	-8,00	-4,95	-0,60	6,42	402
2001	6,90	2,98	10,39	6,10	35,4	-7,90	-4,67	0,80	6,30	416
2002	7,08	4,17	9,48	6,54	37,4	-18,2	-4,50	4,00	6,01	441
2003	7,34	3,62	10,15	6,45	39,0	-25,3	-4,70	3,00	5,78	492
2004	7,79	4,36	10,21	7,26	40,7	-20,7	-3,25	9,5	5,60	561
2005	8,44	4,00	10,68	8,48	40,9	-13,3	-4,85	8,4	5,31	642
2006	8,23	3,69	10,38	8,29	41,5	-12,7	-5,00	6,6	4,82	730
2007	8,46	3,76	10,22	8,85	46,5	-29,2	-5,00	12,6	4,64	843
2008	6,31	4,70	5,98	7,37	41,5	-28,8	-4,95	19,89	4,65	1052
2009	5,32	1,83	5,52	6,63	42,7	-22,5	-6,90	6,52	4,60	1064
2010	6,78	2,78	7,70	7,52	41,9	-17,5	-5,80	11,75	4,29	1169
2011	5,89	4,00	5,53	6,99	34,6	-10,2	-4,90	18,13	3,60	1365

Nguồn: Tác giả tổng hợp, tính toán từ: (i) Niên giám Thống kê (2010); (ii) Thời báo Kinh tế Việt Nam (2008, 2011, 2012) và (iii) Tổng cục Thống kê (2012)

sự ảnh hưởng mạnh từ các cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, thì suy giảm kinh tế 2011-2012 rất gần với đợt suy thoái 2008-2009 là sự bộc lộ mạnh mẽ từ những yếu kém nội tại của chính nền kinh tế.

Thứ hai, nếu thập niên 1990 nền kinh tế Việt Nam được coi là có tốc độ tăng trưởng ấn tượng và lạm phát được kiểm soát có hiệu quả, thì từ năm 2007 đến nay, lạm phát luôn là mối ám ảnh của nền kinh tế và bài toán “đánh đổi” giữa tăng trưởng và lạm phát đã trở nên quá quen thuộc trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Rõ ràng, sự tăng trưởng ngắn hạn, thiếu ổn định đã dần thay thế sự phát triển khá ổn định trong thời kỳ trước đó.

Thứ ba, các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng tăng trưởng và hiệu quả đang là vấn đề lớn của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, biểu hiện cụ thể: (i) Tốc độ tăng trưởng khá cao, nhưng chưa tương xứng với tốc độ tăng đầu tư cho nền kinh tế. Giai đoạn 1991-2011, nếu tốc độ tăng trưởng bình quân GDP đạt 7,35% thì tốc độ tăng đầu tư đạt tới 13,9% (Ngô Thắng Lợi, 2011); (ii) Nền kinh tế thâm dụng vốn ở mức cao, tỷ lệ vốn đầu tư/GDP tăng lên liên tục, trung bình giai đoạn 1996-2000: 33%, 2001-2005: 39,1%, 2006-2010: 42,7%. Hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế thấp, hệ số ICOR có xu hướng tăng, giai đoạn 1996-2000: 4,7; 2001-2005: 5,2; giai đoạn 2006-2010; 6,1; năm 2011 giảm xuống 5,9 và mục tiêu năm 2012: 5,2-5,6; sự giảm xuống này chưa phải là sự tăng lên của hiệu quả đầu tư mà chủ yếu là kết quả của chính sách cắt giảm đầu tư, chi tiêu trong nền kinh tế; (iii) Tăng trưởng của nền kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, thâm dụng vốn và lao động, yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) còn rất thấp. Năm 2006-2010, đóng góp vào tốc độ tăng GDP, yếu tố vốn chiếm 55%, yếu tố lao động chiếm 20% và TFP chỉ chiếm 25%, như vậy yếu tố vốn và lao động đã chiếm tới 75%

tốc độ tăng GDP (Thời báo Kinh tế Việt Nam, 2012); (iv) Các cân đối vĩ mô chủ yếu của nền kinh tế, mặc dù đã có những cải thiện nhất định, song nền kinh tế vẫn ở tình trạng thâm hụt kép (thâm hụt ngân sách và thâm hụt ngoại thương), nợ nước ngoài và nợ công gia tăng¹, gây áp lực rủi ro tài chính tiềm ẩn đối với nền kinh tế.

Nhận diện nguyên nhân suy giảm tăng trưởng kinh tế Việt Nam hiện nay

Có thể khái quát diễn biến tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ đầu năm 2011 đến nay:

- Đầu năm 2011, trước áp lực lạm phát 2 con số (11,75% năm 2010) và những bất ổn kinh tế vĩ mô, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NĐ-CP ngày 24/2/2011, đặt ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Chính sách đã phát huy tác dụng, tỷ lệ lạm phát bắt đầu thoái lui từ tháng 9/2011 (sau khi đạt đỉnh điểm trên 20% vào tháng 8/2011). Tuy nhiên, tính cả năm 2011, lạm phát vẫn đạt mức là 18,13% và tăng trưởng giảm sút (5,89%).

- Kiên trì chính sách linh hoạt, thực hiện tinh thần Nghị quyết 11, kết hợp với thực hiện mục tiêu dài hạn “tái cấu trúc” nền kinh tế, kinh tế 5 tháng đầu năm 2012 của Việt Nam đã có dấu hiệu hồi phục, song khá mong manh và còn tiềm ẩn khá nhiều rủi ro: (i) Tăng trưởng GDP quý I/2012 đạt 4,0%, dự báo quý II/2012 tăng lên 4,5%, là mức tăng trưởng thấp so với cùng kỳ các năm trước đó; (ii) Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5/2012 tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm, chỉ số toàn ngành công nghiệp tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ 2010: 8,7% và 2011: 9,2%. Tuy nhiên, chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến

¹ Theo Cơ quan Tình báo Kinh tế (EIU), tỷ lệ nợ công/GDP của Việt Nam giai đoạn 2006-2010 đã tăng liên tục: 42,9% (2006); 45,6% (2007), 43,9% (2008), 49% (2009), 56,6% (2010), dự báo tăng lên 58,4% năm 2011 và 56,8% năm 2012.

vẫn ở mức cao, tháng 3/2012: 34,9%; tháng 4: 32,1% và tháng 5: 29,4% (Tổng cục Thống kê, 2012); (iii) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2012 tăng 0,18% so với tháng trước. Đây là tỷ lệ tăng thấp so với cùng thời điểm của các năm trước (2004: 0,9%; 2005: 0,5%; 2006: 0,6%; 2007: 0,8%; 2008: 3,91%; 2009: 0,44%; 2010: 0,27% và 2011: 2,21%). Năm tháng đầu năm 2012, CPI của nền kinh tế tăng 2,78% so với tháng 12/2011 và tăng 8,34% so với cùng kỳ năm trước; (iv) Các chỉ tiêu cân đối vĩ mô khác, mặc dù có những cải thiện song vẫn suy giảm so với năm 2011: vốn FDI đến ngày 20/5/2012 đạt 5,329 tỷ USD, bằng 68,2% cùng kỳ năm trước; kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm đạt 42,9 tỷ USD, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu đạt 43,5 tỷ USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo của các chuyên gia và tổ chức kinh tế trong và ngoài nước về kinh tế Việt Nam năm 2012, có thể tổng hợp theo Bảng 2.

Yêu cầu của nền kinh tế Việt Nam hiện nay là phải kiểm soát được lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, để duy trì được sự ổn

định kinh tế vĩ mô trong dài hạn, tạo điều kiện và tiền đề cho tăng trưởng kinh tế bền vững, thì vấn đề đặt ra hiện nay là phải nhận diện chính xác và đầy đủ hơn nguyên nhân của tình hình suy giảm.

Nguyên nhân của tình hình suy giảm tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay có thể nhận diện như sau:

Thứ nhất, căn nguyên sâu xa dẫn đến những hạn chế, yếu kém, đó chính là do lực lượng sản xuất của nền kinh tế chưa phát triển, năng suất lao động (NSLĐ) thấp. Theo tổng hợp và tính toán gần đây của Nguyễn Cao Đức (Ủy ban Kinh tế Quốc hội, VASS và VCCI; 2012), NSLĐ xã hội của Việt Nam chỉ bằng 2/3 NSLĐ trung bình của nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, bằng khoảng 1/2 của Trung Quốc, gần bằng 1/3 của Thái Lan và chỉ bằng 22,7% của Malaysia (Bảng 3).

Sự yếu kém cả về học thuật và tính ứng dụng của nền KHCN so với nhiều nước trong khu vực chính là một nguyên nhân nội tại của mặt bằng NSLĐ thấp trong nền kinh tế.

Bảng 2: Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2012

Cơ quan dự báo	Tỷ lệ tăng GDP (%)	% CP	Thời điểm dự báo
Chính phủ Việt Nam	6,0 – 6,5	<10	12/2011
EIU	5,6	13,8	-
WB	5,7	9,5	5/2012
The Financial Times (FT)	5,6	-	5/2012

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Thu Hương (2012) và Khánh An (2012)

Bảng 3: NSLĐ của Việt Nam giai đoạn 1991-2010 (theo PPP, 1991)

Quốc gia	NSLĐ (USD/người)			
	1991-1995	1996-2000	2001-2005	2006-2010
Nhóm nước thu nhập trung bình thấp	4.969	5.556	6.360	7.954
Nhóm nước thu nhập trung bình cao	6.709	7.664	9.559	13.219
Nhóm nước thu nhập cao	39.381	43.499	47.388	49.808
Việt Nam	2.737	3.593	4.359	5.491
Trung Quốc	3.236	4.238	6.398	10.632
Thái Lan	10.857	12.598	13.455	15.311
Malaysia	16.136	18.743	20.608	24.228

Nguồn: Ủy ban Kinh tế Quốc hội, VASS và VCCI (2012)

Bảng 4: Số lượng bằng sáng chế được cấp theo năm (đơn vị)

	Pre 2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Singapore	10,272	296	410	427	449	346	412	393	399	436	603
Malaysia	2,614	39	55	50	80	88	113	158	152	158	202
Philippines	830	12	14	22	21	18	35	20	16	23	37
Thailand	744	24	44	25	18	16	31	11	22	23	46
Indonesia	374	4	7	9	4	10	3	5	5	3	6
Vietnam	36	0	0	0	1	2	0	0	0	2	2

Nguồn: Trần Văn Thọ (2012)

Bảng 4 cho thấy có một khoảng cách chênh lệch rất lớn giữa Việt Nam với các nước trong khu vực về số lượng bằng sáng chế KHCN. Một nền kinh tế mà lực lượng sản xuất chưa phát triển, NSLĐ còn thấp, sẽ thích ứng với mô hình phát triển theo chiều rộng - điều mà Việt Nam đã thực thi trong các thập kỷ qua. Khi nền kinh tế đứng trước yêu cầu phát triển mới, chú trọng đến NSLĐ, chất lượng và hiệu quả thì mô hình kinh tế theo chiều rộng sẽ là nguyên nhân dẫn đến cản trở tăng trưởng và hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Đây chính là những biểu hiện đang diễn ra đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự suy giảm tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay chính là sự phân bổ và sử dụng nguồn lực xã hội kém hiệu quả (các biểu hiện cụ thể đã được chỉ ra ở trên). Nguyên nhân của tình trạng này là do:

- Nền kinh tế đang vận hành theo mô hình tăng trưởng, chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, thâm dụng vốn và lao động. Hệ quả tất yếu là hiệu quả sử dụng nguồn lực thấp.

- Cơ chế quản lý, điều hành nền kinh tế vẫn còn mang nặng tư duy bao cấp, khép kín, làm theo “phong trào”. Các hội chứng về “sân gôn”, “khu công nghiệp”, “sân bay”, “cảng biển”... thời gian qua là sự minh chứng rõ rệt cho tình trạng này.

- Sự minh định giữa khu vực công và khu vực tư trong nền kinh tế còn chưa hợp lý, chưa tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng. Khu vực kinh tế nhà nước, đặc biệt là các

tập đoàn kinh tế nhà nước được nhiều ưu đãi song lại hoạt động kém hiệu quả, không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, mà còn lấn át khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Các số liệu mới được công bố tại Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) của Bộ Tài chính (4/2012) cho thấy: đến tháng 9/2011, cả nước có 1.309 DNNN với tổng quy mô tài sản đạt 1.760 ngàn tỷ đồng và vốn chủ sở hữu gần 700 ngàn tỷ đồng, đã đóng góp 34% GDP cả nước (2010), tuy nhiên hiệu quả kinh tế thấp và nhiều doanh nghiệp thua lỗ nặng nề (Nhật Minh, 2012 và PV, 2012): (i) Tính đến tháng 9/2011, dư nợ vay ngân hàng của DNNN lớn là 415.347 tỷ đồng, tương đương 16,9% tổng dư nợ nhà nước. Riêng 12 tập đoàn kinh tế nhà nước đã nợ 218.733 tỷ đồng, chiếm 8,76% tổng dư nợ của ngành ngân hàng; (ii) Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của 30/85 tập đoàn và tổng công ty cao hơn ba lần, trong đó có 7 tập đoàn và tổng công ty có tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu trên 10 lần; (iii) Mức lỗ bình quân của DNNN cao gấp 12 lần khu vực ngoài quốc doanh. Tổng lỗ lũy kế của các tập đoàn, tổng công ty đến cuối 2011 là 26.110 tỷ đồng, trong đó có những “tên tuổi” lớn như Vinashin (5000 tỷ, 2009), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (12.313 tỷ - năm 2010), Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam (1.026 tỷ - năm 2009)...

- Chính sách kinh tế vĩ mô chưa tạo được môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động có hiệu quả, thậm chí có một số chính sách còn thiếu nhất quán (lãi suất, thuế và phí, lệ phí), yếu tố lợi ích nhóm chi phối thị trường có xu hướng gia tăng.

- Năng lực quản trị doanh nghiệp và cán bộ quản lý các cấp vẫn đang là một thách thức trong hoạt động của nền kinh tế.

Thứ ba, tình hình kinh tế thế giới luôn có những diễn biến phức tạp (khủng hoảng tài chính toàn cầu, suy giảm kinh tế của các nước lớn, giá cả năng lượng, nguyên liệu tăng cao...), trong khi độ mở của nền kinh tế Việt Nam ngày càng tăng, làm cho công tác dự báo và chính sách kinh tế vĩ mô, cũng như hoạt động của các doanh nghiệp có những khó khăn nhất định.

Thứ tư, đợt suy giảm tăng trưởng kinh tế hiện nay, như đã phân tích ở trên, còn có nguyên nhân của sự “đánh đổi” trong chính sách kiểm soát đà gia tăng lạm phát ở Việt Nam được Chính phủ thực thi từ đầu năm 2011 đến nay.

Kết quả kiểm soát lạm phát đến nay có thể đạt mục tiêu ở mức dưới 10% năm 2012, tuy nhiên mục tiêu chưa đạt được là ổn định kinh tế vĩ mô và nguy cơ suy giảm kinh tế kéo dài, đang là một thách thức lớn.

Như vậy, cần phải nhìn nguyên nhân suy giảm tăng trưởng kinh tế của nước ta hiện nay ở góc nhìn dài hạn. Theo đó có thể rút ra kết luận rằng, ba trong bốn nguyên nhân của sự suy giảm tăng trưởng hiện nay là các yếu tố nội tại của nền kinh tế Việt Nam. Sự suy giảm của nền kinh tế Việt Nam hiện nay là kết quả của mô hình kinh tế và cách vận hành nền kinh tế trong hàng thập kỷ qua. Do đó, trong chính sách vĩ mô của Chính phủ, nếu chỉ có những giải pháp can thiệp ngắn hạn thì vòng xoáy tăng trưởng - suy giảm sẽ ngày càng trầm trọng đối với nền kinh tế Việt Nam trong tương lai.

Các giải pháp khắc phục suy giảm và duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững trong thời gian tới

Thứ nhất, cần có tư duy mới trong việc tiếp cận về các giải pháp khắc phục suy giảm

tăng trưởng kinh tế hiện nay. Đó là các chính sách vĩ mô cần hướng đến việc duy trì một nền kinh tế tăng trưởng bền vững, dựa trên một môi trường kinh tế ổn định, thuận lợi, minh bạch. Báo cáo gần đây của Ngân hàng Thế giới (WB), trong khi đánh giá khá cao nỗ lực kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong vòng một năm qua, cũng đưa ra khuyến nghị “nếu không cải cách triệt để và trong bối cảnh bất trắc kéo dài của môi trường kinh tế toàn cầu thì nền kinh tế Việt Nam sẽ khó có khả năng chuyển sang một mô hình phát triển mới cũng như khó tránh khỏi việc lặp lại các bất cập kinh tế vĩ mô đã từng xảy ra trong vòng 4-5 năm qua” (WB, 2012).

Quan điểm và tư duy kinh tế mới trong chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam hiện nay là cần khắc phục sự nôn nóng, cũng như quan điểm ngắn hạn trong hoạch định và thực thi chính sách.

Thứ hai, điểm cốt lõi là nền móng cho sự tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, đó là phải nâng cao NSLĐ xã hội, tăng tính hiệu quả của nền kinh tế. Để thực hiện được mục tiêu này cần: (i) Thực thi mô hình kinh tế mới, đề cao tính hiệu quả, NSLĐ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế; (ii) Các doanh nghiệp trong nền kinh tế cần tăng cường đầu tư, hiện đại hóa công nghệ sản xuất, tăng chi phí cho các hoạt động nghiên cứu và triển khai, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn; (iii) Chính sách điều tiết vĩ mô của Chính phủ (thuế, tín dụng...) cần điều chỉnh hợp lý hơn nhằm khuyến khích các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đầu tư vào các công nghệ hiện đại, nâng cao NSLĐ, năng lực cạnh tranh của sản phẩm; (iv) Tạo môi trường thuận lợi cho thị trường KHCN phát triển, gắn kết giữa cung và cầu trên thị trường. Thực tế, nút thắt của tính hiệu quả trong phát triển KHCN ở nước ta, chính là chưa phát triển được thị trường KHCN hoạt

động hiệu quả; (v) Nâng cao trình độ, đội ngũ nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố quan trọng để góp phần nâng cao NSLĐ xã hội trong nền kinh tế.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực quốc gia có hiệu quả là nhân tố trực tiếp nhằm tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện mục tiêu này, Chính phủ đã và đang triển khai Đề án tái cấu trúc nền kinh tế. Tuy nhiên trong việc xây dựng và thực thi chủ trương lớn này, cần đặc biệt quan tâm một số vấn đề:

- Tái cấu trúc các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế cần hướng đến khai thác các yếu tố thâm dụng các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP), trên cơ sở khai thác các lợi thế quốc gia về tài nguyên, nhân lực, văn hóa... kết hợp với sử dụng công nghệ hiện đại, hợp lý.

- Tái cấu trúc đầu tư trong nền kinh tế nói chung, đặc biệt là đầu tư công là một trong các giải pháp trọng tâm và hết sức quan trọng. Cần quan niệm lại vai trò của DNNN, đặc biệt là các tập đoàn và tổng công ty nhà nước, không nên coi DNNN như là công cụ “điều tiết và ổn định kinh tế vĩ mô” của Chính phủ mà DNNN cần tập trung thực hiện các chức năng quan trọng như: (i) Giữ vai trò nòng cốt, tiên phong trong một số lĩnh vực quan trọng; (ii) Hoạt động trong các lĩnh vực mà tư nhân không được phép tham gia hoặc không có “động lực” lợi nhuận tham gia; (iii) Tạo lập cơ sở hạ tầng và dịch vụ công trong nền kinh tế.

- Phải coi khu vực kinh tế tư nhân là động lực quan trọng trong nền kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác.

- Trong chiến lược về cơ cấu kinh tế, Chính phủ cần quan tâm hơn đến cơ cấu vùng, đặc biệt liên kết vùng trong phát triển kinh tế, tránh tình trạng “kinh tế tỉnh”, “mô hình

kinh tế tỉnh” đang phổ biến trong tư duy kinh tế hiện nay.

- Điều kiện cơ bản và cấp thiết hiện nay để nâng cao hiệu quả và phân bổ nguồn lực có hiệu quả trong nền kinh tế là phải nỗ lực thực hiện ba khâu đột phá mà Đại hội Đảng Lần thứ XI đã đề ra: (i) Cải cách thể chế kinh tế thị trường; (ii) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; (iii) Phát triển cơ sở hạ tầng.

Thứ tư, cần tiếp tục chính sách ổn định kinh tế vĩ mô để tăng trưởng bền vững. Tuy nhiên chính sách ổn định kinh tế vĩ mô cần và phải được duy trì trong dài hạn, muốn vậy cần thực hiện:

- Tiếp tục các biện pháp hướng đến ổn định các cân đối vĩ mô như giảm thâm hụt ngân sách, giảm nhập siêu, gia tăng dự trữ ngoại tệ, duy trì tỷ lệ nợ công và nợ nước ngoài bền vững... Đây là điều kiện cần thiết để tăng trưởng ổn định trong dài hạn và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

- Trong ngắn hạn (từ nay đến cuối năm 2012), cần tiếp tục duy trì mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tránh nôn nóng đặt nặng mục tiêu tăng trưởng. Bởi vì, nếu nôn nóng mục tiêu tăng trưởng, nới lỏng quá mức chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, lại sẽ dẫn đến tăng trưởng thiếu bền vững và lạm phát cao sẽ lại tái diễn.

- Mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế bền vững rất cần sự minh bạch của các chủ thể trên thị trường bao gồm nhà nước, các doanh nghiệp và cả người tiêu dùng. Sự minh bạch này chỉ có thể có được khi có một hành lang pháp lý đảm bảo và một cơ chế kiểm soát hữu hiệu do nhà nước tạo ra.

- Đối với một nền kinh tế mở, công tác dự báo và những giải pháp nhanh nhạy, hiệu quả với những biến động của thị trường thế giới là hết sức cần thiết. Do vậy các công cụ điều tiết vĩ mô của Chính phủ cần phải được hoàn thiện và hiệu quả hơn.

Kết luận

Hiện tượng suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam hiện nay có nguyên nhân trực tiếp từ sự “đánh đổi” trong thực hiện kiểm soát lạm phát, song nguyên nhân sâu xa chính là do những yếu tố nội tại của nền kinh tế mà mấu chốt là do việc

phân bổ và sử dụng nguồn lực quốc gia kém hiệu quả.

Nội dung của nghiên cứu này, nhằm chỉ ra những nguyên nhân căn bản, nguồn gốc của tình trạng suy thoái kinh tế hiện nay, đó cũng là cơ sở để có những giải pháp tăng trưởng kinh tế bền vững trong dài hạn[■]

Tài liệu tham khảo

1. Gillis, M. và các tác giả (1990). *Kinh tế học của sự phát triển, Tập 1*. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. Trang 97, 136.
2. Khánh An (2012). Một số chỉ số kinh tế nhúc nhắc đi lên. <http://baodautu.vn/portal/public/vir/baivietkinhtedautu/repository/collaboration/sites%20content/live/vir/web%20contents/chude/kinhtedautu/doisongxahoi/81fd1a497f0000101c3f9597ea22320>
3. Lê Quốc Lý: Bội chi ngân sách nhà nước trong mối quan hệ với lạm phát hiện nay (<http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/2008/07/05/0507008-2/>).
4. Ngô Thắng Lợi (2011). Tái cấu trúc và cơ cấu đầu tư phù hợp với mô hình tăng trưởng mới giai đoạn 2011-2020 của Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, tháng 11/2011; Trg 92-100.
5. Nhật Minh (2012). Hàng trăm nghìn tỷ đồng vốn ngân sách dành cho các tập đoàn . <http://www.vpbs.com.vn/News/2012/5/30/201856.aspx>.
6. PV (2012). 12 tập đoàn nhà nước nợ hơn 218 nghìn tỷ đồng. <http://vef.vn/2012-05-30-12-tap-doan-nha-nuoc-no-hon-218-nghin-ty-dong>.
7. Thời báo Kinh tế Việt Nam (2008). *Kinh tế Việt Nam và thế giới 2007-2008*.
8. Thời báo Kinh tế Việt Nam (2011). *Kinh tế Việt Nam và thế giới 2010-2011*.
9. Thời báo Kinh tế Việt Nam (2012). *Kinh tế Việt Nam và thế giới 2011-2012*.
10. Thu Hương (2012). WB: Việt Nam sẽ tăng trưởng 5,7%, lạm phát dưới 10% trong năm 2012. <http://www.vcci.com.vn/tin-tuc/20120523124922912/wb-viet-nam-se-tang-truong-57-lam-phat-duoi-10-trong-nam-2012.htm>.
11. Tổng cục Thống kê (2012). Tình hình kinh tế - xã hội 5 tháng đầu năm 2012. <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=217>
12. Trần Quang Lâm (Chủ biên): *Tập Bài giảng Kinh tế vĩ mô (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh)*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 2003.
13. Trần Văn Thọ (2012). Bẫy thu nhập trung bình nhìn từ các nước ASEAN. <http://www.tuanvietnam.vietnamnet.vn/2012-05-21-giai-doan-phat-trien-hien-tai-cua-cac-nuoc-asean>.
14. Ủy ban Kinh tế Quốc hội, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - VASS, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2012). *Kinh tế Việt Nam năm 2012 – Khởi động mạnh mẽ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế (Kiến nghị Diễn đàn kinh tế mùa xuân 2012)*. Hà Nội, tháng 5/2012.
15. WB (2012). Điểm lại cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam, Báo cáo tại Hội nghị giữa kỳ Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam. *Quảng Trị*, tháng 6/2012.